

Bản án số: 380/2021/KDTM-PT

Ngày: 20/4/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán:

1. Bà **Phùng Thị Như Mai**.

2. Bà **Trương Thị Quỳnh Trâm**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hồng** – thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Trần Hồng Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 209/2020/KDTM-PT ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 21/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1075/2021/QĐPT-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3038/2021/QĐ-HPT ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V**

Địa chỉ: Số 63 Đường B, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T hoặc ông Vũ Đức D (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020)

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2401, Số 2, đường T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà P, số 673 đường N, ấp 5, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông Lê Việt H (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021)

3. Người kháng cáo: **Bị đơn.**

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Vũ Đức Diệm trình bày:

Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V (Sau đây gọi tắt là CÔNG TY V) thực hiện dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp cho Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần (Sau đây gọi tắt là TỔNG CÔNG TY D) theo Hợp đồng dịch vụ số 41/2014-TM/CÔNG TY V/TỔNG CÔNG TY D ngày 30/6/2014 và Phụ lục 01 ngày 01/6/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, CÔNG TY V luôn thực hiện dịch vụ theo đúng chất lượng, số lượng nhưng TỔNG CÔNG TY D luôn chậm trễ thanh toán công nợ cho CÔNG TY V.

Ngày 10/10/2019, CÔNG TY V đã ban hành công văn số 338A/DVĐKVT-TCKT yêu cầu TỔNG CÔNG TY D thanh toán công nợ, nếu TỔNG CÔNG TY D vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì CÔNG TY V sẽ dừng cung cấp dịch vụ từ ngày 16/11/2019. Ngày 30/10/2019, TỔNG CÔNG TY D đã gửi công văn số 940/TKDK-VP đề nghị CÔNG TY V gia hạn thời gian thanh toán đồng thời cam kết thanh toán nợ đúng hạn. Căn cứ theo công văn 940 trên, CÔNG TY V tiếp tục cung cấp dịch vụ cho TỔNG CÔNG TY D cho đến ngày 15/3/2020. Ngày 09/01/2020, TỔNG CÔNG TY D ban hành công văn số 12/TKDK-VP về kế hoạch thanh toán công nợ cho CÔNG TY V với số công nợ phải trả tính đến 31/10/2019 là 4.611.719.565 đồng nhưng không thực hiện nên CÔNG TY V buộc phải dừng cung cấp dịch vụ từ ngày 16/3/2020.

Đến nay TỔNG CÔNG TY D còn nợ CÔNG TY V số tiền gốc 4.396.468.173 đồng, cụ thể: Tiền thuế giá trị gia tăng tháng 01, 02, 03 năm 2017 là 47.881.250 đồng (TỔNG CÔNG TY D đã thanh toán tiền hàng nhưng chưa thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng), tiền suất ăn từ tháng 08/2018 đến tháng 03/2020 là 4.348.766.923 đồng (Đã trừ tiền suất ăn TỔNG CÔNG TY D thanh toán tháng 11/2019 là 210.172.214 đồng).

Theo công văn số 12/TKDK-VP về kế hoạch thanh toán công nợ cho CÔNG TY V với số công nợ phải trả tính đến 31/10/2019 là 4.611.719.565 đồng nhưng TỔNG CÔNG TY D đã thanh toán tiền ăn từ tháng 03/2018 đến tháng 07/2018 và tiền cung cấp suất ăn tháng 11/2019. Do đó, CÔNG TY V vẫn tiếp tục cung cấp suất ăn đến tháng 03/2020. Nay CÔNG TY V yêu cầu TỔNG CÔNG TY D thanh toán công nợ từ tháng 08/2018 đến tháng 03/2020 là 4.348.766.923 đồng.

Ngoài ra, tại Điều 6.11 của Hợp đồng dịch vụ số 41/2014-TM/CÔNG TY V/TỔNG CÔNG TY D ngày 30/6/2014 có quy định về trường hợp thanh toán chậm thì TỔNG CÔNG TY D phải trả lãi suất bằng với lãi vay của ngân hàng

tại thời điểm trên tổng số tiền trả chậm. Do đó, CÔNG TY V yêu cầu tính lãi suất 10%/năm theo bảng tính lãi đính kèm, tổng lãi TỔNG CÔNG TY D phải trả cho CÔNG TY V là 493.898.648 đồng (tạm tính đến ngày 30/6/2020).

Yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY V: Buộc TỔNG CÔNG TY D phải thanh toán cho CÔNG TY V số tiền nợ gốc là: 4.396.468.173 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/6/2020 là: 493.898.648 đồng. Tổng cộng là: 4.890.366.821 đồng theo Hợp đồng dịch vụ số 41/2014-TM/CÔNG TY V/TỔNG CÔNG TY D ngày 30/6/2014 và Phụ lục 01 ngày 01/6/2018.

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại Bản trình bày ý kiến của đại diện theo pháp luật của TỔNG CÔNG TY D Ngày 18/9/2020 ghi nhận:

+Về nợ gốc: số nợ gốc CÔNG TY V yêu cầu TỔNG CÔNG TY D thanh toán theo đơn khởi kiện là 4.396.468.173 đồng nhưng số nợ TỔNG CÔNG TY D tập hợp các thông báo CÔNG TY V gửi cho TỔNG CÔNG TY D là 4.394.541.950 đồng, chênh lệch là 1.926.223 đồng.

+Về hồ sơ/chứng từ: Trong tổng số nợ TỔNG CÔNG TY D tập hợp trên cơ sở các thông báo của CÔNG TY V là 4.394.541.950 đồng, chỉ có phần giá trị 3.725.083.624 đồng có hồ sơ kèm theo, phần còn lại chỉ có số tiền không có hồ sơ kèm theo là 669.458.326 đồng (Chi tiết tại Công văn 174/DVTHDKVT-TCKT ngày 05/5/2020 của CÔNG TY V).

+Sai lệch giữa số lượng suất ăn đăng ký hàng tháng và số CÔNG TY V đề nghị thanh toán (TỔNG CÔNG TY D chỉ liệt kê một số tháng điển hình: tháng 11/2018, suất ăn đăng ký 5.030, số suất CÔNG TY V đề nghị thanh toán 5.334, chênh lệch tăng 304; Tháng 02/2019, suất ăn đăng ký 3.179, số suất CÔNG TY V đề nghị thanh toán 3.565, chênh lệch tăng 386; Tháng 10/2019, suất ăn đăng ký 4.815, số suất CÔNG TY V đề nghị thanh toán 5.316, chênh lệch tăng 501).

Từ những lý do trên, TỔNG CÔNG TY D đề nghị: CÔNG TY V bổ sung chứng từ còn thiếu, phối hợp cùng TỔNG CÔNG TY D rà soát/đối chiếu số liệu để chính xác hóa giá trị TỔNG CÔNG TY D phải thanh toán, không áp dụng lãi chậm thanh toán do có sai khác lớn giữa số lượng suất ăn TỔNG CÔNG TY D đăng ký và số lượng CÔNG TY V đề nghị thanh toán nên đề nghị thanh toán của CÔNG TY V chưa hợp lệ, ngoài ra tại công văn số 338A/DVDKVT-TCKT ngày 10/10/2019 của CÔNG TY V thì thời gian TỔNG CÔNG TY D hoàn tất việc thanh toán cho CÔNG TY V là đến tháng 04/2021 nên không có căn cứ để phạt chậm thanh toán vào thời điểm 30/6/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Rút phần yêu cầu về việc: Buộc TỔNG CÔNG TY D thanh toán số tiền 1.500.000 đồng theo Hóa đơn số 005181 ngày 30/6/2019; Giữ nguyên yêu cầu về việc: Buộc TỔNG CÔNG TY D phải thanh toán cho CÔNG TY V số tiền 4.394.968.173 đồng nợ gốc và 476.890.825 đồng tiền lãi chậm thanh toán. Tổng cộng là 4.871.858.998 đồng.

Bị đơn- TỔNG CÔNG TY D có đại diện theo pháp luật ông Đỗ Văn Thanh- Tổng giám đốc vắng mặt không có lý do.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 21/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 85, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần do ông Đỗ Văn Thanh là người đại diện theo pháp luật.

Về nội dung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V.

Buộc Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần phải thanh toán cho Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V số tiền nợ gốc là: 4.394.968.173 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/6/2020 là: 476.890.825 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là: 4.871.858.998 đồng phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ số 41/2014-TM/CÔNG TY V/TỔNG CÔNG TY D ngày 30/6/2014 và Phụ lục 01 ngày 01/6/2018.

Trả một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần thanh toán số tiền 1.500.000 đồng theo Hóa đơn số 005181 ngày 30/6/2019.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30/10/2020, Bị đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn có đại diện là ông Vũ Đức Dvà Bị đơn có đại diện là ông Lê Việt Hoài thống nhất xác định khoản tiền dịch vụ mà Bị đơn còn nợ theo Hợp đồng dịch vụ số 41/2014-TM/CÔNG TY V/TỔNG CÔNG TY D ngày

30/6/2014 và Phụ lục 01 ngày 01/6/2018 là 4.394.968.173 đồng. Nguyên đơn xác định không yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi.

Hai bên thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

+ Bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền 4.394.968.173 đồng là khoản tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ do hai bên xác lập số 41/2014-TM/CÔNG TY V/TỔNG CÔNG TY D ngày 30/6/2014 và Phụ lục 01 ngày 01/6/2018.

+ Phương thức và thời hạn thanh toán theo từng đợt cụ thể:

Ngày 30/6/2021 trả 878.993.635 đồng.

Ngày 30/8/2021 trả 878.993.635 đồng.

Ngày 30/10/2021 trả 1.318.490.452 đồng.

Ngày 30/12/2021 trả 1.318.490.452 đồng.

+ Trường hợp Bị đơn vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì Bị đơn phải trả lại toàn bộ số tiền nợ còn lại cho Nguyên đơn.

+ Nguyên đơn và Bị đơn mỗi bên chịu ½ án phí sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và việc chịu án phí sơ thẩm. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V và Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần như sau:

1.1. Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần trả cho Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V số tiền 4.394.968.173 đồng là khoản tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ số 41/2014-TM/CÔNG TY V/TỔNG CÔNG TY D ngày 30/6/2014 và Phụ lục 01 ngày 01/6/2018.

1.2. Phương thức và thời hạn thanh toán theo từng đợt cụ thể:

Ngày 30/6/2021 trả 878.993.635 đồng.

Ngày 30/8/2021 trả 878.993.635 đồng.

Ngày 30/10/2021 trả 1.318.490.452 đồng.

Ngày 30/12/2021 trả 1.318.490.452 đồng.

1.3. Trường hợp Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại cho Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí :

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.394.968 đồng.

Tổng công ty tư vấn thiết kế dầu khí - Công ty Cổ phần phải chịu là 78.676.477,6 đồng.

Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V phải chịu là 33.718.490,4 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.445.184 đồng theo biên lai số 0072782 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí V số dư là 22.726.693,6 đồng.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng công ty tư vấn thiết kế dầu khí - Công ty Cổ phần phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0073073 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Tổng công ty tư vấn thiết kế D- Công ty cổ phần đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND Huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS Huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy